| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 383/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 8 - 2023
V/v ly hôn Diễm - Lợi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thế Văn.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi.
Ông Huỳnh Văn Sức

***-Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa***: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1972 nơi cư trú: Tổ A, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 nơi cư trú: Tổ B, Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 31/10/2022 và lời khai nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:* Bà và ông L tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông L sống hạnh phúc đến 2014 thì ông L bỏ nhà đi do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì những chuyện vặt trong gia đình và ly thân từ đó đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông L.

Bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Hoài D1, sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành và lao động được.

Bà và ông L không có tài sản chung; nợ chung.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có lời trình bày*

Ủy ban nhân dân thị trấn P và Ủy ban nhân dân xã L có văn bản xác định không tìm thấy thông tin kết hôn của ông L, bà D.

Đai diện khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang cho biết về tình trạng hôn nhân của bà D, ông L như thế nào thì địa phương không rõ, do ông L, bà D sinh sống ở nơi khác, hiện tại có thấy ông L sống tại khóm thượng 2, thị trấn P nhưng không thấy bà D ở nhà ông L. Về tài sản chung, nợ chung và con chung thì không rõ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông L, bà D không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không công nhận quan hệ giữa bà D và ông L là vợ chồng. Về con chung: Nguyễn Hoài D1, sinh ngày 10/11/1999 đã trưởng thành và lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông L và bà D chung sống vợ chồng năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông L và bà D chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông L, bà D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Hoài D1, sinh ngày 10/11/1999 hiện đã thành niên và lao động được.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bà D trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ

chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D.

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2.Về con chung: Nguyễn Hoài D1, sinh ngày 10/11/1999 đã thành niên và lao động được

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4.Về án phí: bà Phạm Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005825 ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà D không còn nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thế Văn**